

Bản án số: 20/2019/HSST
Ngày: 05-4-2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN THANH KHÊ - TP ĐÀ NẴNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Tuấn.
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Thuận và ông Lê Văn Cương.
- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Hoàng Yên Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.
- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Ngọc Quyên – Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 18/2019/TLST-HS ngày 06 tháng 3 năm 2019 đối với bị cáo:

H - sinh ngày: 27/10/1987 tại Quảng Nam; nơi cư trú: Thôn L, xã P, huyện S, tỉnh Quảng Nam; nghề nghiệp: Lao động phổ thông; trình độ văn hóa: 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông L (c) và bà H1 (s); đã có vợ và 05 con, lớn nhất sinh năm 2010, nhỏ nhất sinh ngày 13/3/2019; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo hiện đang tại ngoại (có mặt tại phiên tòa).

- **Bị hại:** Anh L1 - sinh năm: 1994; nơi cư trú: Số 43 đường K, quận K, thành phố Đà Nẵng (vắng mặt).

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Ông T - sinh năm: 1978; nơi cư trú: Số 19 đường K, phường B, quận C, thành phố Đà Nẵng (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 07 giờ ngày 10/9/2018, H đến quán “*Lẩu một người*” do anh L1 làm chủ tại số 43 đường K, phường T, quận K, thành phố Đà Nẵng để sửa chữa nguồn điện của quán theo thỏa thuận từ trước. Khi đến nơi, H gọi cửa nhưng không thấy

anh L1 trả lời nên H đến nhà anh H2 (*sinh năm: 1986; HKTT: Số 188 đường V, quận K, thành phố Đà Nẵng*) để nhờ anh H2 gọi anh L1 dậy thì anh H2 nói “*Mi cứ mở cửa gọi nó dậy đi, giờ ta mệt quá nghỉ tí đã*”. Lúc này H quay trở lại quán “*Lầu một người*”, tiếp tục gọi nhưng không thấy ai trả lời nên H đẩy cửa đi vào trong. Tại đây, H thấy anh L1 đang nằm ngủ dưới đất, bên cạnh có để 01 (*một*) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 Plus màu đen nên nảy sinh ý định chiếm đoạt, H trộm cắp chiếc điện thoại trên bỏ vào túi quần rồi đi về.

Đến khoảng 11 giờ trưa cùng ngày, H đem chiếc điện thoại trộm cắp được đến cầm cố tại tiệm cầm đồ TTH 2 ở số 19 đường K, phường B, quận C, thành phố Đà Nẵng do anh T làm chủ được số tiền 7.000.000đ (*bảy triệu đồng*). Khoảng một tuần sau, H về nhà tại xã P, huyện S, tỉnh Quảng Nam, nói với vợ là chị T1 biết sự việc, đồng thời đưa cho chị T1 một biên lai cầm cố, nhờ đi chuộc lại điện thoại trả cho anh L1. Ngày 27/9/2018, anh L1 giao nộp điện thoại cho Cơ quan CSĐT Công an quận Thanh Khê để phục vụ công tác điều tra.

Tại Bản kết luận định giá tài sản ngày 01/11/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự quận Thanh Khê xác định điện thoại di động trên có giá trị 15.500.000đ (*mười lăm triệu năm trăm nghìn đồng*).

Ngày 20/11/2018, Cơ quan CSĐT Công an quận Thanh Khê đã trả lại điện thoại di động Iphone 7 Plus cho anh L1.

Từ những nội dung trên, tại Cáo trạng số: 22/CT-VKS ngày 04 tháng 3 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng đã truy tố bị cáo H về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng giữ nguyên Cáo trạng đã truy tố bị cáo và đề nghị:

- + Tuyên bố bị cáo H phạm tội "Trộm cắp tài sản".
- + Áp dụng các điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 65 và khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự đề nghị xử phạt bị cáo từ 09 tháng đến 15 tháng tù nhưng cho hưởng án treo.
- + Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại đã nhận lại được tài sản, không yêu cầu bồi thường gì thêm nên Viện kiểm sát không đề cập đến.

Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo H thừa nhận đã thực hiện hành vi phạm tội đúng với nội dung Cáo trạng đã truy tố bị cáo. Bị cáo đề nghị HĐXX xem xét nhân thân, cách thức thực hiện hành vi phạm tội, sự ăn năn hối cải của bản thân và hoàn cảnh gia đình để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, tạo điều kiện để bị cáo cải tạo, sửa chữa lỗi lầm vừa có thể lao động để chăm sóc cho gia đình.

Bị hại anh L1 trong quá trình điều tra đã được nhận lại tài sản bị chiếm đoạt nên không yêu cầu bị cáo bồi thường.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông T trong quá trình điều tra đã trình bày: Vào ngày 10/9/2018, H có đến tiệm cầm đồ của ông cầm cố 01 điện thoại di động hiệu Iphone 7Plus với giá 7.000.000đ trong thời hạn 20 ngày, khi giao dịch H nói là điện thoại của H nên ông T mới đồng ý và lập biên lai. Khoảng 02 tuần sau đó có 01 phụ nữ đến tiệm tự xưng là vợ của H có mang biên lai cầm đồ chuộc lại điện thoại với số tiền 7.150.000đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Lời khai nhận của bị cáo H tại phiên tòa hôm nay phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cũng như các chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Do vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để khẳng định: Vào khoảng 07 giờ ngày 10/9/2018, tại nhà số: 43 đường K, phường T, quận K lợi dụng lúc anh L1 đang ngủ say, bị cáo đã lén lút lấy 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7Plus. Trị giá tài sản bị chiếm đoạt là 15.500.000đ (*mười lăm triệu năm trăm nghìn đồng*).

[2] Hành vi trên đây của bị cáo đã phạm vào tội "Trộm cắp tài sản". Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự. Như vậy, Cáo trạng số: 22/CT-VKS ngày 04 tháng 3 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng đã truy tố bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[3] Bị cáo là người trưởng thành, có nhận thức và hiểu biết nhưng vì sự tham lam nhất thời của bản thân mà xem thường pháp luật, thực hiện hành vi phạm tội xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật hình sự bảo vệ. Việc đưa bị cáo ra xét xử để áp dụng một hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra là cần thiết.

[4] Xét về các tính tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo thì thấy: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đây là lần đầu bị cáo phạm tội và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; sau khi chiếm đoạt tài sản, bị cáo đã nhờ gia đình chuộc lại tài sản và trả cho bị hại; vợ bị cáo mới sinh con thứ 5, gia đình thuộc diện hộ nghèo tại địa phương; bị cáo có Ông bà nội đều là người có công cách mạng được Nhà nước tặng Huân chương kháng chiến. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại các

điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự mà Hội đồng xét xử đã áp dụng để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo khi lượng hình.

[5] Xét thấy bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, ngoài lần phạm tội này, bị cáo là người có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, nên đối với bị cáo không nhất thiết phải cách ly ra khỏi xã hội một thời gian để cải tạo mà giao bị cáo về địa phương nơi cư trú để giám sát, giáo dục theo quy định tại Điều 65 của Bộ luật hình sự.

[6] Trong giai đoạn điều tra, Cơ quan cảnh sát điều tra đã lại 01 (một) điện thoại di động Iphone 7 Plus cho bị hại anh L1 là phù hợp.

[7] *Về trách nhiệm dân sự:* Bị hại đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm, Viện kiểm sát không đề cập nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] *Về án phí:* Án phí hình sự sơ thẩm bị cáo phải nộp 200.000đ (*hai trăm nghìn đồng*) theo quy định tại Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[9] Đối với ông T có hành vi cầm cố tài sản do bị cáo chiếm đoạt nhưng ông T không biết tài sản đó là do bị cáo phạm tội mà có nên Cơ quan cảnh sát điều tra không tiến hành xử lý, Viện kiểm sát không yêu cầu là phù hợp.

[10] Trong giai đoạn điều tra và truy tố, những người tham gia tố tụng không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi tố tụng, quyết định tố tụng. Điều tra viên và Kiểm sát viên đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Như vậy, hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên là hợp pháp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào: Các điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 65, khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự; Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

1. Tuyên bố: Bị cáo H phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo H 09 (*chín*) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 18 (*mười tám tháng*) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 05/4/2019).

Giao bị cáo H cho Ủy ban nhân dân xã P, huyện S, tỉnh Quảng Nam giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách; trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, bị cáo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000đ (*hai trăm nghìn đồng*) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 05/4/2019). Riêng bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- VKSND TP. Đà Nẵng ;
- VKSND quận Thanh Khê;
- CQCSĐT CA quận Thanh Khê;
- CCTHADS quận Thanh Khê;
- UBND xã P, huyện S, tỉnh Quảng Nam;
- Bị cáo, bị hại; đương sự (bản sao);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Đức Tuấn